



**Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT  
và các công ty con**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2008**



**Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT và các công ty con  
Thông tin về Công ty**

**Giấy chứng nhận**

**đăng ký kinh doanh số**

0104000187

ngày 13 tháng 4 năm 2005

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư  
Thành phố Hà Nội cấp.

**Ban Giám đốc**

Đỗ Cao Bảo  
Dương Dũng Triều  
Nguyễn Ngọc Minh

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
(đến 18/04/2008)

Đoàn Thanh Vịnh

Phó Tổng Giám đốc  
(đến 18/04/2008)

Nguyễn Minh Sơn

Phó Tổng Giám đốc  
(đến 01/03/2008)

Nguyễn Hùng Cường

Phó Tổng Giám đốc  
(đến 01/04/2008)

Nguyễn Tuấn Hùng

Phó Tổng Giám đốc  
(từ 15/04/2008)

Nguyễn Lâm Phương

Phó Tổng Giám đốc  
(từ 15/07/2008)

**Trụ sở đăng ký**

101 Láng Hạ  
Quận Đống Đa  
Hà Nội, Việt Nam

**Đơn vị kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



**KPMG Limited**  
16<sup>th</sup> Floor, Pacific Place  
83B Ly Thuong Kiet Street  
Hoan Kiem District, Hanoi  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600  
Fax + 84 (4) 3946 1601  
Internet www.kpmg.com

## BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Nhà đầu tư  
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT và các công ty con**

### Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT ("Công ty") và bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT và các công ty con ("Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT và của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty và của Tập đoàn trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp thuận.



*KPMG Limited*  
**Công ty TNHH KPMG**  
Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345  
Báo cáo kiểm toán số: 08-02-073-02

*John T. Ditty*  
John T. Ditty  
Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0555/KTV  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 30-06-2009

*Trần Hằng Thu*  
Trần Hằng Thu  
Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0877/KTV

**Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008**

			2008	2007
	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn VNĐ	Công ty VNĐ
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>1.223.125.569.151</b>	<b>137.816.504.665</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>3</b>	<b>80.282.304.897</b>	<b>40.652.782.955</b>
Tiền	111		80.282.304.897	40.652.782.955
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>4</b>	<b>738.203.243.995</b>	<b>46.685.365.121</b>
Phải thu khách hàng	131		624.954.276.788	36.006.057.309
Trả trước cho người bán	132		18.014.772.785	5.839.251.758
Phải thu nội bộ	133		2.084.179.215	1.738.949.505
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		82.476.000.779	3.071.911.436
Các khoản phải thu khác	135		14.438.791.048	29.195.113
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(3.764.776.620)	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5</b>	<b>371.063.220.600</b>	<b>12.633.733.983</b>
Hàng tồn kho	141		371.456.192.907	12.775.952.012
Dự phòng hàng tồn kho	149		(392.972.307)	(142.218.029)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>33.576.799.659</b>	<b>22.315.701.232</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13.564.314.144	7.933.160.843
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.049.774.362	13.513.915.848
Tài sản ngắn hạn khác	158		3.962.711.153	868.624.541
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>52.105.454.129</b>	<b>208.712.760.173</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>230.417.486</b>	<b>144.406.286</b>
Phải thu dài hạn khác	218		230.417.486	144.406.286
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>48.300.131.669</b>	<b>15.441.964.907</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	<b>6</b>	38.447.211.773	5.649.375.054
Nguyên giá	222		81.444.288.932	24.483.683.418
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.997.077.159)	(18.834.308.364)
Tài sản cố định vô hình	227	<b>7</b>	9.799.984.632	9.770.379.789
Nguyên giá	228		10.845.310.854	10.761.168.414
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.045.326.222)	(990.788.625)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>8</b>	52.935.264	22.210.064
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>			-	<b>192.000.000.000</b>
Đầu tư vào công ty con		<b>9</b>	-	192.000.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.574.904.974</b>	<b>1.126.388.980</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		3.574.904.974	1.126.388.980
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.275.231.023.280</b>	<b>346.529.264.838</b>
				<b>963.378.309.051</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

**Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn VNĐ	2008 Công ty VNĐ	2007 Công ty VNĐ
<b>NGUỒN VỐN</b>					
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.020.291.161.368</b>	<b>91.589.402.926</b>	<b>708.438.447.139</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.020.199.950.138</b>	<b>91.589.402.926</b>	<b>708.423.050.409</b>
Phải trả người bán	312		159.683.984.898	131.007.722.726	56.581.488.380
Người mua trả tiền trước	313		281.638.701.256	9.726.863.222	103.300.872.662
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	10.367.307.360	2.207.347.288	9.141.437.515
Phải trả công nhân viên	315		2.123.248.000	132.397.000	33.185.952.000
Chi phí phải trả	316	11	87.126.065.273	14.039.498.349	37.315.800.295
Phải trả nội bộ	317		466.725.180.518	(67.195.264.521)	453.956.271.343
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		6.246.980.817	339.397.545	10.432.220.698
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	12	5.295.227.711	1.252.847.663	2.820.096.089
Dự phòng bảo hành	320	13	993.254.305	78.593.654	1.688.911.427
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>91.211.230</b>	-	<b>15.396.730</b>
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	13	91.211.230	-	15.396.730
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>254.939.861.912</b>	<b>254.939.861.912</b>	<b>254.939.861.912</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>254.939.861.912</b>	<b>254.939.861.912</b>	<b>254.939.861.912</b>
Vốn điều lệ	411	14	250.000.000.000	250.000.000.000	250.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.189.861.912	2.189.861.912	2.189.861.912
Lợi nhuận chưa phân phối	420		-	-	-
Nguồn kinh phí sự nghiệp	431		2.750.000.000	2.750.000.000	2.750.000.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.275.231.023.280</b>	<b>346.529.264.838</b>	<b>963.378.309.051</b>

Người lập:



Đỗ Sơn Giang  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đỗ Cao Bảo  
Tổng Giám đốc

30-06-2009

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

**Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**

	Mã số	Thuyết minh	2008		2007
			Tập đoàn VNĐ	Công ty VNĐ	Công ty VNĐ
<b>Tổng doanh thu</b>	01	15	2.773.054.638.351	2.472.480.955.876	1.891.848.530.721
<b>Các khoản giảm trừ</b>	02	15	(3.642.348.299)	(2.624.942.345)	(2.461.295.812)
<b>Doanh thu thuần</b>	10		2.769.412.290.052	2.469.856.013.531	1.889.387.234.909
<b>Giá vốn hàng bán</b>	11	16	(2.192.975.461.600)	(2.230.417.213.854)	(1.506.153.644.119)
<b>Lợi nhuận gộp</b>	20		576.436.828.452	239.438.799.677	383.233.590.790
Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	16.065.752.572	7.649.824.435	3.123.214.407
Chi phí tài chính	22	18	(63.236.610.430)	(22.317.083.847)	(23.817.447.421)
Chi phí bán hàng	24		(126.531.651.804)	(83.473.700.781)	(76.220.506.284)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(111.324.276.094)	(67.744.702.245)	(119.840.319.622)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		291.410.042.696	73.553.137.239	166.478.531.870
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b>	40		29.269.530.890	11.921.935.475	14.269.240.201
Thu nhập khác	31	19	32.225.979.790	14.110.181.202	15.622.469.597
Chi phí khác	32	20	(2.956.448.900)	(2.188.245.727)	(1.353.229.396)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	50		320.679.573.586	85.475.072.714	180.747.772.071
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	51	21	(36.788.662.083)	(8.439.141.239)	(22.047.529.374)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>	60		283.890.911.503	77.035.931.475	158.700.242.697

Người lập:



Đỗ Sơn Giang  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đỗ Cao Bảo  
Tổng Giám đốc

3 0 -06- 2009

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

**Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT và các công ty con**  
**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**

<b>Tập đoàn</b>	<b>Vốn điều lệ VND</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính VND</b>	<b>Nguồn kinh phí sự nghiệp VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2007</b>	<b>145.000.000.000</b>	<b>2.189.861.912</b>	<b>2.750.000.000</b>	<b>-</b>	<b>149.939.861.912</b>
Hợp nhất vốn của FSS	22.000.000.000	-	-	-	22.000.000.000
Vốn góp	83.000.000.000	-	-	-	83.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	158.700.242.697	158.700.242.697
Lợi nhuận chuyển cho chủ sở hữu	-	-	-	(158.700.242.697)	(158.700.242.697)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2008</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>2.189.861.912</b>	<b>2.750.000.000</b>	<b>-</b>	<b>254.939.861.912</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	283.890.911.503	283.890.911.503
Lợi nhuận chuyển cho chủ sở hữu	-	-	-	(283.890.911.503)	(283.890.911.503)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2008</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>2.189.861.912</b>	<b>2.750.000.000</b>	<b>-</b>	<b>254.939.861.912</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*

**Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT và các công ty con**  
**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

Công ty	Vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Nguồn kinh phí sự nghiệp VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2007</b>	<b>145.000.000.000</b>	<b>2.189.861.912</b>	<b>2.750.000.000</b>	-	<b>149.939.861.912</b>
Hợp nhất vốn của FSS	22.000.000.000	-	-	-	22.000.000.000
Vốn góp	83.000.000.000	-	-	-	83.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	158.700.242.697	158.700.242.697
Lợi nhuận chuyển cho chủ sở hữu	-	-	-	(158.700.242.697)	(158.700.242.697)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2008</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>2.189.861.912</b>	<b>2.750.000.000</b>	-	<b>254.939.861.912</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	77.035.931.475	77.035.931.475
Lợi nhuận chuyển cho chủ sở hữu	-	-	-	(77.035.931.475)	(77.035.931.475)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2008</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>2.189.861.912</b>	<b>2.750.000.000</b>	-	<b>254.939.861.912</b>

Người lập:



Đỗ Sơn Giang  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



**30-06-2009**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này



**Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**

	Mã số	Thuyết minh	2008 Tập đoàn VNĐ	Công ty VNĐ	2007 Công ty VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>320.679.573.586</b>	<b>85.475.072.714</b>	<b>180.747.772.071</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>					
Khấu hao và phân bổ	02		13.985.513.815	9.966.978.953	10.921.720.917
Lỗ/(lãi) từ thanh lý tài sản cố định			1.180.889.807	(33.800.552)	(201.274.710)
Xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang			1.161.401.836	970.974.676	-
Các khoản dự phòng	03		14.074.271.429	(639.816.598)	2.618.430.865
Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(446.548.297)	16.084.694	-
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(795.328.368)	(662.287.734)	(1.110.660.199)
Chi phí lãi vay	06		20.324.874.834	11.341.327.078	20.970.345.465
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>370.164.648.642</b>	<b>106.434.533.231</b>	<b>213.946.334.409</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(96.827.755.750)	51.288.717.820	123.679.401.368
Biến động hàng tồn kho	10		(138.214.010.585)	(247.033.166.705)	(138.135.992.092)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(50.909.943.667)	123.260.266.938	(310.189.227.569)
Biến động chi phí trả trước	12		(2.242.044.874)	5.837.624.421	(343.827.963)
			<b>(288.193.754.876)</b>	<b>(66.646.557.526)</b>	<b>(324.989.646.256)</b>
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(230.417.486)	(452.066.775)	-
<b>Tiền thuần thu từ/(chi cho) các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>81.740.476.280</b>	<b>39.335.908.930</b>	<b>(111.043.311.847)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>					
Tiền chi mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	21		(43.497.487.026)	(24.285.802.884)	(14.379.433.942)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		591.204.320	501.531.319	488.515.670
Tiền thuần thu từ hợp nhất kinh doanh	23		-	-	11.071.370.273
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(685.003.725)	-
Tiền thu lãi	27		795.328.368	662.287.734	1.110.660.199
<b>Tiền thuần chi cho các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(42.110.954.338)</b>	<b>(23.806.987.556)</b>	<b>(1.708.887.800)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*

**Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	2008 Tập đoàn VND	Công ty VND	2007 Công ty VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>					
Vốn góp nhận được	31		-	-	83.000.000.000
<b>Tiền thuần thu từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>83.000.000.000</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		39.629.521.942	15.528.921.374	(29.752.199.647)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		40.652.782.955	40.652.782.955	70.404.982.602
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	4	80.282.304.897	56.181.704.329	40.652.782.955



**Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam. Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 bao gồm Công ty và các công ty con của Công ty (được gọi chung là Tập đoàn). Các hoạt động chính của Tập đoàn là cung cấp các dịch vụ về công nghệ thông tin (“CNTT”), phát triển và thiết kế phần mềm theo yêu cầu của khách hàng, bán các sản phẩm CNTT liên quan đến phần cứng và phần mềm và cung cấp các dịch vụ bảo trì.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 Tập đoàn có 1.769 nhân viên (2007: 1.919 nhân viên).

**2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

**(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(i) Cơ sở kế toán chung**

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp thuận.

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(ii) Cơ sở hợp nhất**

*Công ty con*

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

*Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất*

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ trừ khi giá vốn không thể thu hồi được.

**Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

**(iii) Các thương vụ mua lại giữa các đơn vị chịu sự kiểm soát chung**

Các thương vụ hợp nhất với các đơn vị chịu kiểm soát chung được hạch toán dựa trên giá trị ghi sổ theo phương pháp giá gốc của tài sản có được và công nợ phát sinh từ thương vụ hợp nhất. Chênh lệch giữa các khoản thanh toán đã trả và giá trị ghi sổ liên quan trước giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào tài khoản Vốn khác và được báo cáo là "Chênh lệch giá trị các giao dịch mua lại giữa các đơn vị chịu kiểm soát chung". Tập đoàn áp dụng chính sách không trình bày lại các số liệu so sánh như thể sự hợp nhất đã tồn tại trong suốt các kỳ báo cáo được trình bày.

**(b) Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá chưa và đã thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(d) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(e) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban lãnh đạo cho rằng việc giảm này không mang tính tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào được ghi nhận.

**(f) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

**(g) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(h) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trị thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- dụng cụ văn phòng 3 - 5 năm
- máy móc và thiết bị 5 - 25 năm
- phương tiện vận chuyển 4 - 6 năm
- tài sản khác 3 - 5 năm

**(i) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

**(j) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

**(g) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(h) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ dụng cụ văn phòng	3 - 5 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 - 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 - 6 năm
▪ tài sản khác	3 - 5 năm

**(i) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

**(j) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

**(k) Hợp đồng xây dựng cơ bản dở dang**

Hợp đồng xây dựng cơ bản dở dang được phản ánh theo giá vốn cộng với lợi nhuận ước tính cho đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán trừ đi dự phòng lỗ dự kiến. Giá vốn phản ánh các khoản chi phí liên quan trực tiếp và có thể tính vào giá thành theo hợp đồng xây dựng.

**(l) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Tiền thuê đất trả trước**

Tiền thuê đất trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê.

**(ii) Công cụ**

Công cụ ban đầu được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ trong ba năm.

**(m) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(n) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(i) Dự phòng bảo hành**

Dự phòng bảo hành được lập liên quan chủ yếu đến số hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp trong các năm 2007 và 2008. Dự phòng được lập dựa trên ước tính từ những số liệu về bảo hành trong các năm trước đó cho các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

**(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập tương đương với 1% tổng quỹ lương được sử dụng làm cơ sở để tính Bảo hiểm Xã hội, theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003.

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.



**Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực hóa được.

**(p) Doanh thu**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(ii) Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(q) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(r) Các công ty liên quan**

Các công ty liên quan bao gồm nhà đầu tư và các công ty con và công ty liên kết của nhà đầu tư.

**(s) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

**3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	2008		2007
	Tập đoàn VNĐ	Công ty VNĐ	Công ty VNĐ
Tiền mặt	1.263.582.012	707.798.258	556.069.118
Tiền gửi ngân hàng	79.018.722.885	55.473.906.071	40.096.713.837
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	80.282.304.897	56.181.704.329	40.652.782.955

Bao gồm trong tiền tại kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 có số ngoại tệ trị giá 1.011 triệu VNĐ (2007: 2.292 triệu VNĐ).

**4. Các khoản phải thu ngắn hạn**

Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng và tạm ứng từ khách hàng bao gồm:

	2008		2007
	Tập đoàn VNĐ	Công ty VNĐ	Công ty VNĐ
Hợp đồng xây dựng cơ bản dở dang	234.163.803.855	21.996.072.301	77.827.373.340
Lợi nhuận tính dựa trên tỷ lệ phần trăm hoàn thành	156.376.057.076	9.129.655.186	21.892.869.628
	390.539.860.931	31.125.727.487	99.720.242.968
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng	(308.063.860.152)	(28.053.816.051)	(60.122.850.499)
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	82.476.000.779	3.071.911.436	39.597.392.469

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	2008		2007
	Tập đoàn VNĐ	Công ty VNĐ	Công ty VNĐ
Phải thu cho các hợp đồng dịch vụ	14.217.029.319	-	12.032.614.099
Phải thu khác	221.761.729	29.195.113	1.120.381.645
	14.438.791.048	29.195.113	13.152.995.744

**Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

Biến động trong năm của dự phòng các khoản nợ khó đòi như sau:

	2008	2007
	Tập đoàn VNĐ	Công ty VNĐ
Số dư đầu năm	3.470.162.888	3.470.162.888
Tăng dự phòng trong năm	3.764.776.620	-
Hoàn nhập	(3.470.162.888)	(3.470.162.888)
	3.764.776.620	-
Số dư cuối năm	3.764.776.620	3.470.162.888

**5. Hàng tồn kho**

	2008	2007
	Tập đoàn VNĐ	Công ty VNĐ
Hàng mua đang đi trên đường	816.862.785	816.862.785
Công cụ và dụng cụ	24.896.360	440.826
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	272.125.532.803	4.842.628.809
Hàng hóa	98.488.900.959	7.116.019.592
	371.456.192.907	12.775.952.012
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(392.972.307)	(142.218.029)
	371.063.220.600	12.633.733.983
	371.063.220.600	12.633.733.983
	371.063.220.600	232.563.567.762

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2008	2007
	Tập đoàn VNĐ	Công ty VNĐ
Số dư đầu năm	678.614.560	678.614.560
Tăng dự phòng trong năm	250.754.278	-
Hoàn nhập	(536.396.531)	(536.396.531)
	392.972.307	142.218.029
Số dư cuối năm	392.972.307	142.218.029

Bao gồm trong hàng thành phẩm tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 có 869 triệu VNĐ (2007: 1.710 triệu VNĐ) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

**6. Tài sản cố định hữu hình**

<b>Tập đoàn</b>	<b>Dụng cụ văn phòng VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	48.706.123.928	-	3.455.009.222	2.725.709.436	54.886.842.586
Tăng trong năm	7.485.565.193	-	28.607.272	27.955.420	7.542.127.885
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	265.810.189	24.850.654.172	-	-	25.116.464.361
Chuyển cho các công ty nội bộ	(8.022.000)	-	-	-	(8.022.000)
Thanh lý	(5.810.249.424)	-	(264.578.880)	(18.295.596)	(6.093.123.900)
Phân loại lại	63.376.193	-	-	(63.376.193)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>50.702.604.079</b>	<b>24.850.654.172</b>	<b>3.219.037.614</b>	<b>2.671.993.067</b>	<b>81.444.288.932</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	31.939.121.302	-	1.621.190.941	655.454.804	34.215.767.047
Khấu hao trong năm	10.475.513.165	1.183.364.484	556.575.355	889.783.710	13.105.236.714
Chuyển cho các công ty nội bộ	(2.896.829)	-	-	-	(2.896.829)
Thanh lý	(4.162.631.031)	-	(143.014.839)	(15.383.903)	(4.321.029.773)
Phân loại lại	25.420.406	-	-	(25.420.406)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>38.274.527.013</b>	<b>1.183.364.484</b>	<b>2.034.751.457</b>	<b>1.504.434.205</b>	<b>42.997.077.159</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư cuối năm	12.428.077.066	23.667.289.688	1.184.286.157	1.167.558.862	38.447.211.773
Số dư đầu năm	16.767.002.626	-	1.833.818.281	2.070.254.632	20.671.075.539

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản trị giá 21.935 triệu VND được khấu hao hết đến kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (2007: 17.811 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

<b>Công ty</b>	<b>Dụng cụ văn phòng VNĐ</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VNĐ</b>	<b>Tài sản khác VNĐ</b>	<b>Tổng cộng VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	48.706.123.928	3.455.009.222	2.725.709.436	54.886.842.586
Tăng trong năm	5.508.019.325	2.727.272	22.284.000	5.533.030.597
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	227.561.189	-	-	227.561.189
Chuyển cho các công ty con	(26.406.334.200)	-	-	(26.406.334.200)
Chuyển cho các công ty nội bộ	(1.104.796.878)	(1.303.949.364)	(2.604.031.985)	(5.012.778.227)
Thanh lý	(1.016.428.868)	(264.578.880)	(13.054.545)	(1.294.062.293)
Biến động khác	(3.450.576.234)	-	-	(3.450.576.234)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>22.463.568.262</b>	<b>1.889.208.250</b>	<b>130.906.906</b>	<b>24.483.683.418</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	31.939.121.302	1.621.190.941	655.454.804	34.215.767.047
Khấu hao trong năm	8.164.490.307	453.357.648	478.364.593	9.096.212.548
Chuyển cho các công ty con	(17.982.700.022)	-	-	(17.982.700.022)
Chuyển cho các công ty nội bộ	(1.754.668.001)	(634.663.066)	(1.003.900.380)	(3.393.231.447)
Thanh lý	(670.262.142)	(143.014.839)	(13.054.545)	(826.331.526)
Biến động khác	(2.275.408.236)	-	-	(2.275.408.236)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>17.420.573.208</b>	<b>1.296.870.684</b>	<b>116.864.472</b>	<b>18.834.308.364</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư cuối năm	5.042.995.054	592.337.566	14.042.434	5.649.375.054
Số dư đầu năm	16.767.002.626	1.833.818.281	2.070.254.632	20.671.075.539

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản trị giá 9.188 triệu VNĐ được khấu hao hết đến kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (2007: 17.811 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

**7. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính Tập đoàn VNĐ</b>	<b>Phần mềm máy vi tính Công ty VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	302.389.806	302.389.806
Tăng trong năm	10.542.921.048	10.542.921.048
Chuyển từ các công ty nội bộ	-	(84.142.440)
Số dư cuối năm	10.845.310.854	10.761.168.414
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	165.049.121	165.049.121
Khấu hao trong năm	880.277.101	870.766.405
Chuyển từ các công ty nội bộ	-	(45.026.901)
Số dư cuối năm	1.045.326.222	990.788.625
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư cuối năm	9.799.984.632	9.770.379.789
Số dư đầu năm	137.340.685	137.340.685

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2008 Tập đoàn VNĐ</b>	<b>2008 Công ty VNĐ</b>	<b>2007 Công ty VNĐ</b>
Số dư đầu năm	918.363.368	918.363.368	-
Tăng trong năm	25.412.438.093	8.209.851.239	1.898.139.203
Xóa sổ	(1.161.401.836)	(970.974.676)	(979.775.835)
Chuyển cho các công ty con	-	(7.907.468.678)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(25.116.464.361)	(227.561.189)	-
Số dư cuối năm	52.935.264	22.210.064	918.363.368

**Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

**9. Đầu tư vào các công ty con**

Vào tháng 6 và tháng 7 năm 2008, Công ty thành lập bảy công ty con mới thuộc sở hữu toàn phần của Công ty dựa trên việc chuyển đổi các trung tâm kinh doanh trước đây. Chi tiết về các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên	Địa chỉ	Hợp nhất	2008		Tổng cộng VNĐ
			Vốn bằng tiền VNĐ	Vốn bằng hiện vật VNĐ	
Công ty TNHH Dịch vụ ERP FPT	Số 101 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội	Có	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin Ngân hàng Tài chính FPT	Số 101 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội	Có	-	75.000.000.000	75.000.000.000
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FSE FPT	Số 101 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội	Có	685.003.725	49.314.996.275	50.000.000.000
Công ty TNHH Phát triển Phần mềm FPT	Số 32A Trường Chinh, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Hệ thống Thông tin FPT	Số 56 Hoàng Diệu, Quận Ba Đình Hà Nội	Có	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin Viễn thông và Dịch vụ Công FPT	Số 101 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội	Có	-	35.000.000.000	35.000.000.000
Công ty TNHH Giải pháp Tài chính Công FPT	Số 101 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội	Có	-	7.000.000.000	7.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>685.003.725</b>	<b>191.314.996.275</b>	<b>192.000.000.000</b>

Vốn góp bằng hiện vật phản ánh giá trị của nguyên giá tài sản cố định, tài sản dài hạn, hàng tồn kho và nguồn vốn lưu động khác chuyển cho các công ty con tại ngày thành lập các công ty con này.

**Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	2008		2007
	Tập đoàn VNĐ	Công ty VNĐ	Công ty VNĐ
<b>Thuế</b>			
Thuế giá trị gia tăng	7.704.180.115	1.792.720.881	6.108.966.946
Thuế xuất nhập khẩu	186.573.486	186.573.486	13.867.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	460.794.428	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.905.437.442	117.731.032	3.015.603.569
Thuế nhà thầu nước ngoài	110.321.889	110.321.889	3.000.000
	<hr/> 10.367.307.360	<hr/> 2.207.347.288	<hr/> 9.141.437.515

**11. Chi phí phải trả**

	2008		2007
	Tập đoàn VNĐ	Công ty VNĐ	Công ty VNĐ
Chi phí phải trả cho phần công việc đã hoàn thành bởi các thầu phụ	66.051.763.863	3.472.252.349	33.216.378.771
Lương kinh doanh phải trả	20.551.318.000	10.567.246.000	-
Chi phí khác	522.983.410	-	4.099.421.524
	<hr/> 87.126.065.273	<hr/> 14.039.498.349	<hr/> 37.315.800.295

**12. Phải trả khác**

Khoản phải trả khác bao gồm:

	2008		2007
	Tập đoàn VNĐ	Công ty VNĐ	Công ty VNĐ
Kinh phí công đoàn	860.732.928	853.427.928	536.854.030
Bảo hiểm xã hội	273.772.728	273.772.728	234.003.064
Doanh thu chưa thực hiện	3.924.799.916	-	877.665.873
Các khoản phải trả, phải nộp khác	235.922.139	125.647.007	1.171.573.122
	<hr/> 5.295.227.711	<hr/> 1.252.847.663	<hr/> 2.820.096.089



**Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

**13. Các khoản dự phòng**

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

	Bảo hành		Trợ cấp thôi việc		Tổng cộng	
	Tập đoàn VND	Công ty VND	Tập đoàn VND	Công ty VND	Tập đoàn VND	Công ty VND
Số dư đầu năm	1.688.911.427	1.688.911.427	15.396.730	15.396.730	1.704.308.157	1.704.308.157
Dự phòng lập trong năm	15.678.396.877	5.071.050.978	91.211.230	-	15.769.608.107	5.071.050.978
Dự phòng sử dụng trong năm	(14.685.142.572)	(4.992.457.324)	-	-	(14.685.142.572)	(4.992.457.324)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.688.911.427)	(1.688.911.427)	(15.396.730)	(15.396.730)	(1.704.308.157)	(1.704.308.157)
Số dư cuối năm	993.254.305	78.593.654	91.211.230	-	1.084.465.535	78.593.654
Dãi hạn Ngắn hạn	-	-	91.211.230	-	91.211.230	-
	993.254.305	78.593.654	-	-	993.254.305	78.593.654
	993.254.305	78.593.654	91.211.230	-	1.084.465.535	78.593.654

**(i) Chi phí bảo hành**

Dự phòng bảo hành được lập liên quan chủ yếu đến số hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp trong các năm 2007 và 2008. Dự phòng được lập dựa trên ước tính từ những số liệu về bảo hành trong các năm trước đó cho các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

**(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Dự phòng trợ cấp thôi việc tương đương với 1% tổng quỹ lương.

**Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

**14. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn pháp định được duyệt và đã góp của Công ty như sau:

	Được duyệt và đã góp	
	VND	%
Tập đoàn FPT	250.000.000.000	100%

**15. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hoá đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm

	2008		2007
	Tập đoàn VND	Công ty VND	Công ty VND
Tổng doanh thu			
▪ Bán hàng	2.287.257.216.829	2.141.157.114.737	1.621.933.216.329
▪ Cung cấp dịch vụ	485.797.421.522	331.323.841.139	269.915.314.392
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu			
▪ Hàng bán bị trả lại	(3.642.348.299)	(2.624.942.345)	(2.461.295.812)
Doanh thu thuần	2.769.412.290.052	2.469.856.013.531	1.889.387.234.909

**16. Giá vốn hàng bán**

	2008		2007
	Tập đoàn VND	Công ty VND	Công ty VND
Tổng giá vốn hàng bán của			
▪ Hàng hoá đã bán	1.902.034.049.193	1.984.990.044.424	1.348.886.051.992
▪ Dịch vụ đã cung ứng	290.829.043.625	245.427.169.430	156.588.977.567
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	112.368.782	-	678.614.560
	2.192.975.461.600	2.230.417.213.854	1.506.153.644.119

**Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

**17. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2008		2007
	Tập đoàn VNĐ	Công ty VNĐ	Công ty VNĐ
Lãi tiền gửi và cho vay	795.328.368	662.287.734	1.110.660.199
Lãi do chênh lệch tỷ giá	15.270.424.204	6.987.536.701	2.012.554.208
	16.065.752.572	7.649.824.435	3.123.214.407

**18. Chi phí tài chính**

	2008		2007
	Tập đoàn VNĐ	Công ty VNĐ	Công ty VNĐ
Chi phí lãi phân bổ từ Tập đoàn FPT	20.324.874.834	11.341.327.078	20.970.345.465
Lỗ do chênh lệch tỷ giá	42.909.869.724	10.975.756.769	2.847.101.956
Chi phí khác	1.865.872	-	-
	63.236.610.430	22.317.083.847	23.817.447.421

**19. Thu nhập khác**

	2008		2007
	Tập đoàn VNĐ	Công ty VNĐ	Công ty VNĐ
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	591.204.320	501.531.319	488.515.670
Tiền thưởng và hoa hồng	26.228.985.751	11.013.033.102	14.186.928.730
Thu nhập khác	5.405.789.719	2.595.616.781	947.025.197
	32.225.979.790	14.110.181.202	15.622.469.597

**20. Chi phí khác**

	2008		2007
	Tập đoàn VNĐ	Công ty VNĐ	Công ty VNĐ
Lỗ do thanh lý tài sản cố định hữu hình	1.772.094.127	467.730.767	287.240.960
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	785.418.846	778.562.846	489.490.532
Chi phí khác	398.935.927	941.952.114	576.497.904
	2.956.448.900	2.188.245.727	1.353.229.396

**Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

**21. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2008		2007
	Tập đoàn VNĐ	Công ty VNĐ	Công ty VNĐ
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>			
Năm hiện tại	36.788.662.083	8.439.141.239	22.047.529.374
	36.788.662.083	8.439.141.239	22.047.529.374

Quyết toán thuế mới nhất được thực hiện bởi Cục Thuế Hà Nội cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006. Trong quyết toán thuế này và các quyết toán thuế của các năm trước đó, Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty chung với Tập đoàn FPT, công ty mẹ của Công ty, như một đơn vị hạch toán phụ thuộc. Việc tính thuế TNDN của Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 và 2008 cần được cơ quan thuế sở tại xem xét và chấp thuận.

**(b) Đối chiếu thuế suất hiệu quả**

	2008		2007
	Tập đoàn VNĐ	Công ty VNĐ	Công ty VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	320.679.573.586	85.475.072.714	180.747.772.071
Thuế theo thuế suất thuế TNDN quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các quy định thuế hiện hành	72.826.993.043	16.769.708.390	43.851.269.022
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	750.331.123	108.574.088	243.789.726
Ảnh hưởng của thu nhập không chịu thuế và ưu đãi thuế	(36.788.662.083)	(8.439.141.239)	(22.047.529.374)
	36.788.662.083	8.439.141.239	22.047.529.374

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các quy định thuế hiện hành, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế đối với hoạt động sản xuất và dịch vụ phần mềm và 28% lợi nhuận tính thuế đối với hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp.

**Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

**22. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày 31/12	
	2008		2008	
	Tập đoàn VND	Công ty VND	Tập đoàn VND	Công ty VND
<b>Nhà đầu tư</b>				
<b>Tập đoàn FPT</b>				
Bán hàng hóa	303.910.830.481	153.707.601.888	-	-
Cung cấp dịch vụ	31.683.671.897	8.604.699.099	69.776.805	69.776.805
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.276.959.002.505	790.814.419.996	464.454.901.972	(107.007.986.302)
Chuyển lợi nhuận	283.890.911.503	49.147.205.059	1.123.798.242	-
Lãi vay phân bổ	20.324.874.834	11.341.327.078	-	-
<b>Các bên liên quan khác</b>				
<b>Công ty Cổ phần Phần mềm FPT</b>				
Bán hàng hóa	437.813.830	345.578.690	-	-
Cung cấp dịch vụ	1.426.530.106	1.299.072.006	1.149.176.489	933.889.279
Mua hàng hóa	2.752.622.926	2.711.552.059	22.682.062	1.538.798
				2.310.412.930
				-
				296.000
<b>Công ty TNHH Phân phối FPT</b>				
Bán hàng hóa	4.181.968.753	2.811.360.724	-	-
Cung cấp dịch vụ	215.138.796	190.940.796	-	-
Mua hàng hóa	189.745.879.032	123.969.481.424	-	-
				3.665.410.737
				57.105.487
				203.003.924.414
<b>Công ty Cổ phần Viễn thông FPT</b>				
Bán hàng hóa	27.337.972.847	27.337.972.847	714.923.057	714.923.057
Cung cấp dịch vụ	821.036.111	481.484.711	150.302.864	20.360.364
Mua hàng hóa	1.091.591.647	1.087.528.844	-	-
				43.100.697.947
				844.673.519
				1.162.453.882
				3.465.000

**Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

**23. Cam kết**

**Hợp đồng thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	2008		2007
	Tập đoàn VNĐ	Công ty VNĐ	Công ty VNĐ
Trong vòng một năm	23.939.294.036	23.939.294.036	25.189.540.260
Trong vòng hai đến năm năm	9.368.054.000	9.368.054.000	30.250.507.018
	<b>33.307.348.036</b>	<b>33.307.348.036</b>	<b>55.440.047.278</b>

**24. Nợ tiềm tàng**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) và thuế TNDN phải trả (tham khảo Thuyết minh 21 và Thuyết minh 10) của Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT đang được tính trên cơ sở Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT được miễn giảm 50% so với mức thuế suất thông thường. Phương pháp tính này đã được áp dụng trên cơ sở mức miễn giảm của Công ty Cổ phần FPT khi Công ty niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cũng được áp dụng cho các công ty con mà Tập đoàn chiếm 100% quyền sở hữu. Xem xét đến cách hiểu các luật thuế có liên quan, phương pháp tính này có thể dẫn đến khoản công nợ thuế TNDN là 20 tỷ Việt Nam Đồng và 32 tỷ Việt Nam Đồng tương ứng cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 và 31 tháng 12 năm 2008.

**25. Những chỉ tiêu ngoại bảng**

**(a) Số dư bảo lãnh**

Tập đoàn có số dư bảo lãnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

	2008		2007
	Tập đoàn VNĐ	Công ty VNĐ	Công ty VNĐ
Số dư bảo lãnh	172.384.400.406	172.384.400.406	-

**(b) Hàng giữ hộ cho bên thứ ba**

	2008		2007
	Tập đoàn VNĐ	Công ty VNĐ	Công ty VNĐ
Hàng giữ hộ cho bên thứ ba	89.071.890.804	-	111.618.341.000

**Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

**26. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Sau ngày kết thúc năm tài chính, vào ngày 16 tháng 3 năm 2009, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần FPT đã phê duyệt cho Công ty và các công ty con thực hiện cổ phần hóa trong năm 2009. Tại ngày các báo cáo tài chính này, ngày đầu giá cổ phần lần đầu chưa được quyết định.

**27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2008		2007
	Tập đoàn VNĐ	Công ty VNĐ	Công ty VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	1.902.034.049.193	1.984.990.044.424	1.349.564.666.552
Chi phí nhân công	203.186.720.048	123.678.896.088	156.388.721.433
Chi phí khấu hao	13.985.513.815	9.966.978.953	10.921.720.917
Chi phí dịch vụ mua ngoài	274.999.615.464	247.468.245.488	240.559.642.801
Chi phí khác	36.625.490.815	15.531.451.927	19.310.430.515


**28. Số liệu so sánh**

Một vài số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày năm nay như:

**Bảng cân đối kế toán**

	2007 Công ty (Phân loại lại) VNĐ	2007 Công ty (đã được trình bày trước đây) VNĐ
Khoản phải thu khác	13.152.995.744	5.285.384.450
Tài sản ngắn hạn khác	4.340.002.805	175.000.000
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	39.597.392.469	51.630.006.568

Người lập:

  
 Đỗ Sơn Giang  
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

  
 Đỗ Cao Bảo  
 Tổng Giám đốc

30 -06- 2009